

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO, THỂ THAO CHUYÊN NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Nguyễn Thị Thu Quyet⁽¹⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 19/02/2025

Ngày phản biện: 24/04/2025

Ngày đăng: 29/05/2025

Tác giả liên hệ:

Nguyễn Thị Thu Quyet

Email:

thuquyetnguyen@gmail.com

Tóm tắt:

Trong Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao số 2 năm 2025, chúng tôi đã đăng tải bài viết về các nhiệm vụ, giải pháp phát triển thể dục, thể thao cho mọi người đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong số này, chúng tôi tiếp tục giới thiệu đến độc giả về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được đề cập trong Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Tasks and solutions for developing high-performance sports and professional sports by 2030, with a vision to 2045

Nguyen Thi Thu Quyet⁽¹⁾

Article Information:

Received: 19/02/2025

Review date: 24/04/2025

Published: 29/05/2025

Corresponding Author:

Nguyen Thi Thu Quyet

Email:

thuquyetnguyen@gmail.com

Summary:

In the Journal of Scientific Training and Sports Coaching No. 2, 2025, we published an article on the tasks and solutions for developing physical education and sports for everyone by 2030, with a vision to 2045. In this issue, we continue to introduce to readers the goals, tasks and solutions for developing high-performance sports and professional sports by 2030, with a vision to 2045 mentioned in the Strategy for developing physical education and sports in Vietnam by 2030, with a vision to 2045 in Decision No. 1189 dated October 15, 2024 of the Prime Minister.

1. Kết quả phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp

Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đánh giá, sau 10 năm thực hiện Chiến lược, thể thao thành tích cao có sự phát triển khởi sắc và đạt được nhiều thành tựu. Thành tích ở một số môn thể thao Olympic được nâng cao, kết

quả thi đấu của các môn thể thao trọng điểm, có thể mạnh tại các kỳ Đại hội thể thao và các giải thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ, Thể thao Việt Nam liên tục xếp vị trí trong 3 quốc gia dẫn đầu tại các kỳ SEA Games. Một số VĐV ở các môn thể thao Olympic như: Bắn súng, Thể dục dụng cụ, Bơi lội, Cử tạ, Cầu lông, Rowing, Điền kinh... đạt trình độ hàng đầu châu Á và thế giới.

⁽¹⁾TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Tại Olympic Rio de Janeiro 2016, Đoàn Thể thao Việt Nam lần đầu tiên trong lịch sử đã giành được 01 huy chương vàng, 01 huy chương bạc môn Bắn súng và Đoàn VĐV Khuyết tật Việt Nam cũng giành được 01 huy chương vàng, 01 huy chương bạc, 02 huy chương đồng tại Paralympic Rio de Janeiro 2016. Tại ASIAD 18 năm 2018, Thể thao Việt Nam thi đấu xuất sắc giành được 38 huy chương các loại, trong đó có 04 huy chương vàng, 16 huy chương bạc, 18 huy chương đồng, xếp thứ 16/45 quốc gia và vùng lãnh thổ tham dự ASIAD 18, đặc biệt lần đầu tiên Việt Nam giành được huy chương vàng ở những môn thể thao Olympic là Điền kinh, Rowing. Bóng đá Việt Nam thể hiện sự tiến bộ vượt bậc ở cả đấu trường khu vực lẫn châu lục; thành tích của Bóng đá Việt Nam đã tạo được những hiệu ứng xã hội tích cực, thông qua đó góp phần quảng bá, nâng cao hình ảnh đất nước, tạo niềm tin về một Việt Nam trên đà phát triển.

Công tác tuyển chọn, đào tạo VĐV năng khiếu, VĐV trẻ, VĐV Đội tuyển Quốc gia có nhiều đổi mới. Ngành TDTT đã tập trung đầu tư phát triển các môn thể thao có thể mạnh và các môn thể thao có trong chương trình Olympic, ASIAD và đầu tư các VĐV trọng điểm. Trung bình mỗi năm, Ngành đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho khoảng 60 VĐV xuất sắc để nâng cao thành tích thể thao tại các kỳ Olympic, ASIAD và SEA Games. Hệ thống 04 Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Cần Thơ đã được đầu tư nâng cấp, mở rộng; mỗi năm phục vụ tập huấn trên 2.500 VĐV cấp cao, VĐV trẻ của các đội tuyển Quốc gia. Các cơ sở huấn luyện thể thao của các tỉnh, thành phố và của một số ngành cũng liên tục được đầu tư nâng cấp. Hệ thống đào tạo VĐV đã hình thành từ Trung ương tới địa phương với mô hình 3 cấp tương đối thống nhất: Ở Trung ương có 4 Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng; Khu Liên hợp thể thao quốc gia và 03 Trường Đại học TDTT tại Bắc Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng thực hiện công tác quản lý, đào tạo VĐV đỉnh cao; các Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia được đầu tư trọng điểm, có cơ sở vật chất cơ bản ngang tầm tiêu chuẩn khu vực, ngoài ra, đang triển khai kế hoạch

xây dựng Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia tại Đà Lạt - Lâm Đồng, Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia tại Sapa - Lào Cai; Ở cấp tỉnh/thành và các ngành Quân đội, Công an có các Trung tâm đào tạo VĐV do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Bộ chủ quản trực tiếp quản lý. Nhiều địa phương, ngành có cơ sở đào tạo VĐV quy mô tương đối lớn, như Quân đội, Công an, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Đồng Tháp, Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu, v.v...; Ở cấp quận, huyện có các trường, lớp năng khiếu thể thao, các trung tâm TDTT, làm nhiệm vụ phát hiện và đào tạo năng khiếu thể thao cung cấp cho các cơ sở tuyển trên.

Năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035”. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để công tác đào tạo tài năng thể thao tiếp tục phát huy hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển của thể thao thành tích cao Việt Nam. Tính đến cuối năm 2024, cả nước có khoảng 22.000 VĐV từ tuyển năng khiếu đến tuyển đội tuyển tỉnh, thành phố, ngành và đội dự tuyển quốc gia.

Chỉ tính năm 2024, Thể thao Việt Nam đã giành được tổng số 1.214 huy chương quốc tế, trong đó có 482 huy chương vàng, 360 huy chương bạc, 372 huy chương đồng. Tiêu biểu là thành tích của Đội tuyển Futsal nữ khi lần đầu tiên giành chức Vô địch Đông Nam Á; Lực sĩ Lê Văn Công giành được 1 huy chương đồng tại Paralympic Paris 2024 và trở thành VĐV Việt Nam đầu tiên có được huy chương ở 3 kỳ Paralympic liên tiếp; VĐV Bắn súng Trịnh Thu Vinh ghi dấu ấn ở Olympic Paris với 2 lần vào chung kết ở 2 nội dung 10m súng ngắn hơi và 25m súng ngắn thể thao; VĐV Trần Quyết Chiến đăng quang 2 chức vô địch World Cup Carom 3 băng...

Tóm lại, thể thao thành tích cao Việt Nam đã định hình được các nhóm môn thể thao, nội dung thể mạnh phù hợp với thể hình, thể trạng và tố chất người Việt Nam để có khả năng cạnh tranh thành tích trong khu vực, châu lục và thế giới. Nếu như trong giai đoạn trước, Thể thao Việt Nam chú trọng tới các môn thể thao phổ biến trong khu vực, dễ đầu tư, dễ đạt thành tích theo phương châm “đi tắt, đón đầu” (chủ yếu là



Chiến lược phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và thúc đẩy sự phát triển của thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp tại Việt Nam

các môn Võ thuật) thì hiện nay đã có sự chuyển hướng mạnh mẽ sang các môn thể thao Olympic cơ bản, có nhiều bộ huy chương như Điền kinh, Thể dục, Bơi lội, Cử tạ, Đua thuyền... và các môn thể thao phổ biến của châu lục thường xuyên được đưa vào chương trình thi đấu của các kỳ ASIAD. Bên cạnh đó, Thể thao Việt Nam đã chú trọng đầu tư phát triển các môn bóng và những môn thể thao được đông đảo nhân dân hâm mộ, có nhiều điều kiện thuận lợi để triển khai thí điểm theo mô hình thể thao chuyên nghiệp, như Bóng đá, Bóng chuyền, Cầu lông, Tennis, Golf, Cờ, Quần vợt, Bowling... Nhiều môn thể thao đã có sự tham gia của các doanh nghiệp, tư nhân trong đầu tư xây dựng, vận hành các cơ sở tuyển chọn, huấn luyện VĐV thể thao.

2. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt

Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đặt ra mục tiêu chung “nâng cao thành tích của thể thao Việt Nam, từng bước tiệm cận, tiến tới ngang tầm các nước có nền thể thao phát triển tại châu Á” cùng với mục tiêu cụ thể là “Thể thao thành tích cao duy trì trong топ 3 tại các kỳ SEA Games và trong топ 20 tại các kỳ ASIAD; phấn đấu đạt từ 05 đến 07 huy chương vàng tại các kỳ ASIAD, có huy chương tại các kỳ Olympic và Paralympic; Bóng đá nam trong топ 10 châu Á và Bóng đá nữ trong топ 8 châu Á.” Định hướng đến năm 2045, Thể thao thành tích cao thường xuyên duy trì trong топ 2 tại các kỳ SEA Games, trong топ 15 tại các kỳ ASIAD và топ 50 tại các kỳ Olympic; Bóng đá nam trong топ 8 châu Á và giành quyền tham dự World Cup; Bóng đá nữ trong топ 6 châu Á và giành quyền tham dự các kỳ World Cup.

Để đạt được mục tiêu trên, Chiến lược đã chỉ rõ các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

(1) Khẩn trương hoàn thiện việc phân nhóm các môn, nội dung thi đấu và lực lượng VĐV, bảo đảm phù hợp với thể mạnh, điều kiện của nước ta và bám sát xu thế của thế giới, góp phần quan trọng thực hiện được các mục tiêu, định hướng nêu trên; nhanh chóng xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp, khả thi về đầu tư, huy động nguồn lực, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, khuyến khích, chăm sóc, đãi ngộ với từng nhóm môn, lực lượng VĐV. Ưu tiên nguồn lực, đầu tư trọng điểm, chuyên sâu cho lực lượng VĐV có khả năng giành huy chương ASIAD và Olympic.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai cụ thể việc phân nhóm các môn, nội dung thi đấu theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; chủ trì xây dựng Chương trình phát triển các môn thể thao trọng điểm chuẩn bị tham dự các kỳ Olympic và ASIAD trong giai đoạn tới, trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2025.

(2) Nâng cấp, hiện đại hóa và phát huy tối đa hiệu quả của các cơ sở trọng điểm phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện, tổ chức thi đấu thể thao do Trung ương quản lý và các cơ sở đào tạo, huấn luyện VĐV của địa phương, Ngành Công an, Ngành Quân đội; sớm hình thành các cơ sở đào tạo, huấn luyện chuyên sâu theo nhóm môn.

(3) Liên thông và gắn kết trách nhiệm đào tạo giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các ngành liên quan và địa phương. Khuyến khích, tạo điều kiện cho hội thể thao quốc gia, các doanh nghiệp tham gia xây dựng, vận hành các cơ sở đào tạo VĐV; bảo trợ, tài trợ cho các đội tuyển thể thao, VĐV tài năng.

(4) Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong đào tạo VĐV, từ đổi mới các tiêu chí, tiêu chuẩn đến quy trình, phương thức trong tuyển chọn, đào tạo VĐV; chú trọng ứng dụng các thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại để nâng cao chất lượng đào tạo; trang bị các phòng huấn luyện công nghệ cao tại các cơ sở đào tạo VĐV trọng điểm. Tăng cường bố trí huấn luyện viên, chuyên gia giỏi, bác sỹ, chuyên gia dinh dưỡng, chuyên gia tâm lý cho các đội tuyển, đội tuyển trẻ.

(5) Phát triển mạnh thể thao chuyên nghiệp, mở rộng việc áp dụng cơ chế quản lý, điều hành chuyên nghiệp đối với các môn thể thao phù hợp. Khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập,

vận hành câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp và tổ chức các giải thi đấu thể thao chuyên nghiệp; hình thành các cơ sở đào tạo VĐV vận hành theo mô hình doanh nghiệp.

(6) Chú trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, văn hóa ứng xử cho VĐV, huấn luyện viên, trọng tài. Tôn vinh, đãi ngộ xứng đáng các VĐV, huấn luyện viên xuất sắc, phát huy vai trò nêu gương trong thể hệ trẻ. Tăng cường chăm lo, cải thiện các chế độ, chính sách đối với VĐV, huấn luyện viên, điển hình là lương, thưởng, danh hiệu vinh dự, bảo hiểm, chăm sóc y tế, chữa trị chấn thương, học tập, việc làm (sau khi nghỉ thi đấu) và các chế độ liên quan khác, bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách chung, đồng thời tương xứng với đặc thù nghề nghiệp trong từng môn, nhóm môn thể thao; quan tâm xây dựng chính sách đặc thù cho VĐV nữ.

Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp nói trên cho thấy: Quyết định số 1189/QĐ-TTg, ngày 15/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và thúc đẩy sự phát triển của thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp tại Việt Nam. Chiến lược đã đặt ra các mục tiêu cụ thể và giải pháp toàn diện làm động lực để thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp hướng tới mục tiêu hội nhập và khẳng định vị thế trên đấu trường quốc tế./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2021), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020*.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2023), *Niên giám Thống kê Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Thủ tướng chính phủ (2024), *Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

3. Nguyễn Thị Thu Quyết

Nhiệm vụ và giải pháp phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

BÀI BÁO KHOA HỌC

7. Nguyễn Tuấn Đăng; Vũ Tiến Thành

Giải pháp phát triển phong trào tập luyện Cầu lông ngoại khóa nâng cao thể lực cho học sinh Trường Trung học cơ sở Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh

15. Đỗ Xuân Đoàn, Lý Đức Trường

Thực trạng công tác phát triển thể lực cho học viên quân sự Lào tại Trường sĩ quan Lục quân 1

21. Trần Quân; Nguyễn Đức Toàn

Nghiên cứu thực trạng sức mạnh tốc độ đòn tay của nam vận động viên Muay lưả tuổi 14-15 tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân

25. Sun Thea, Đậu Thị Lợi; Đỗ Thùy Giang

Nghiên cứu lựa chọn bài tập thúc đẩy quá trình hồi phục tích cực sau tập luyện cho nam vận động viên Bóng đá U13, Trung tâm đào tạo Bóng đá Quốc gia Tonle Bati, Campuchia

31. Vũ Anh Tuấn; Nguyễn Anh Tú; Lê Hoài Nam

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh tốc độ nhóm đòn đá trước cho nữ vận động viên Taekwondo lứa tuổi 12-14 tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao Hà Nội

37. Nguyễn Danh Bắc; Nguyễn Xuân Thành

Thực trạng sử dụng các kỹ thuật đánh bóng của nam vận động viên Quần vợt lứa tuổi 14 -16

41. Nguyễn Thị Thu Quyết; Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Tất Dũng

Thực trạng sức khỏe tâm thần của sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh theo đặc điểm giới tính

45. Nguyễn Đức Doanh; Lê Cảnh Khôi

Định hướng nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động dạy học môn Tâm lý học Thể dục thể thao tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

49. Phùng Hoài Nam; Nguyễn Cẩm Ninh

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển thể lực cho sinh viên Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia

57. Phạm Hữu Thật

Ứng dụng và đánh giá hiệu quả các bài tập phát triển khả năng linh hoạt cho võ sinh Vovinam lứa tuổi Trung học cơ sở tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

63. Nguyễn Thanh Tùng; Nguyễn Trường Giang; Nguyễn Ngọc Sơn

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên

69. Huỳnh Thị Thủy Uyên; Nguyễn Thái Huy Vũ

Động cơ và đánh giá của người tham gia hoạt động du lịch thể thao biển tại Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

74. Nguyễn Văn Ảnh; Đinh Quang Ngọc; Đinh Khánh Thu; Nguyễn Hải Bằng

Thực trạng tập luyện thể dục thể thao thường xuyên của các nhóm đối tượng người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

80. Ngô Hải Hưng

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới truyền thông thương hiệu Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh trên các kênh mạng xã hội

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

3. Nguyen Thi Thu Quyet

Tasks and solutions for developing high-performance sports and professional sports by 2030, with a vision to 2045

ARTICLES

7. Nguyen Tuan Dang; Vu Tien Thanh

Solution to develop extracurricular badminton training movement to improve physical fitness for students of Trang Ha Secondary School, Tu Son, Bac Ninh

15. Do Xuan Doan, Ly Duc Truong

Current status of physical development for Lao military students at Army Officer School 1

21. Tran Quan; Nguyen Duc Toan

Research on the current status of arm strength and speed of male Muay athletes aged 14-15 at the People's Public Security Sports Training and Competition Center

25. Sun Thea, Dau Thi Loi; Do Thuy Giang

Study on selecting exercises to promote active recovery after training for male U13 football athletes, Tonle Bati National Football Training Center, Cambodia

31. Vu Anh Tuan; Nguyen Anh Tu; Le Hoai Nam

Building standards for assessing the strength and speed of front kicks for female Taekwondo athletes aged 12-14 at the Hanoi Sports Training and Competition Center

37. Nguyen Danh Bac; Nguyen Xuan Thanh

Current status of using hitting techniques of male tennis players aged 14-16

41. Nguyen Thi Thu Quyet; Pham Tuan Dung; Nguyen Tat Dung

Mental health status of students at Bac Ninh Sport University according to gender characteristics

45. Nguyen Duc Doanh; Le Canh Khoi

Orientation of scientific research to serve teaching activities of Sports Psychology at Bac Ninh Sports University

49. Phung Hoai Nam; Nguyen Cam Ninh

Current status of factors affecting physical development of students at the University of Education - National University

57. Pham Huu That

Application and evaluation of the effectiveness of flexibility development exercises for Vovinam students of secondary school age in Lien Chieu District, Da Nang City

63. Nguyen Thanh Tung; Nguyen Truong Giang; Nguyen Ngoc Son

Current status of factors affecting extracurricular sports activities of students at Thai Nguyen University of agriculture and forestry

69. Huynh Thi Thuy Uyen; Nguyen Thai Huy Vu

A study on the motivation and evaluation of participants in marine sports tourism activities in Nhatrang city, Khanhhoa province

74. Nguyen Van Anh; Dinh Quang Ngoc; Dinh Khanh Thu; Nguyen Hai Bang

Current situation of regular physical exercise and sports practice among different population groups in bac ninh province

80. Ngo Hai Hung

Current status of factors affecting the brand communication of bac ninh sports University on social networking channels



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

p-ISSN 1859-4417
e-ISSN 3030-4822

Số 3 - 2025
(07)

